CÔNG TY CP NHỰA VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Công Ty CP Nhựa Việt Nam
Digitally signed by Công Ty CP Nhựa Việt Nam
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=Công Ty CP Nhựa Việt Nam, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0300381966
Reason: I am the author of this document
Location: 12345678
Date: 2025.07.24 12:02:48+07'00'
Foxit PhantomPDF Version: 10.1.4

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội
Quý cổ đông Công ty CP Nhựa Việt Nam

Công ty: **CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**
Trụ sở chính: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Tp.HCM
Điện thoại: 08 – 39453301 – 39453302
Fax: 08 – 39453298
Người thực hiện công bố thông tin/người được ủy quyền: Trịnh Thị Mai Hương
Địa chỉ: 224 – Tổ 4 – Phường Kiến Hưng – Quận Hà Đông – TP.Hà Nội
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0901367123
Fax: 028 – 39453298
Loại thông tin công bố: [x] 24h [ ] 72h [ ] Yêu cầu [ ] Bất thường [ ] Định kỳ

(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

Quyết định số 60.25/QĐ-NVN-HĐQT ngày 23/07/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam về việc Ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày **24/07/2025** tại đường dẫn www.vinaplast.com.vn/quanhecodong/congbothongtin.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 24 tháng 07 năm 2025

Người thực hiện công bố thông tin
(ký, ghi rõ họ tên)

M.S.D.N: 0300381966 – C.T.C.P – CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM – QUẬN 4 - TP. HỒ CHÍ MINH

Trịnh Thị Mai Hương

CÔNG TY CP NHỰA VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 60.25/QĐ-NVN-HĐQT	**-----o0o-----**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/11/2020 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành kèm theo Quyết định số 41.25/QC-NVN-HĐQT ngày 14/5/2025;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam ngày 23 tháng 7 năm 2025;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế các quy định về công bố thông tin đã ban hành trước đây.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật, Người đứng đầu Chi nhánh và các đơn vị trực thuộc, các phòng chức năng, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Lưu Tký Cty;
- CBTT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0300381956 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
QUẬN 4 - TP HỒ CHÍ MINH

Lê Ngọc Diệp

CÔNG TY CP NHỰA VIỆT NAM **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

(*Ban hành kèm theo Quyết định số:60.25 /QĐ-HĐQT ngày 23/07/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam*)

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc tổ chức thực hiện nghĩa vụ Công bố thông tin (sau đây viết tắt là "CBTT") liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam (sau đây viết tắt là "Công ty") với cổ đông, nhà đầu tư, các cơ quan có thẩm quyền. Đồng thời quy định nội dung, cách thức, trình tự, trách nhiệm, quyền hạn, việc phối hợp quan hệ công tác giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.
2. Đối tượng áp dụng:

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban chức năng, các đơn vị trực thuộc của Công ty.
- Người nội bộ của công ty, người có liên quan của người nội bộ.
- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
- Các cá nhân, tổ chức có liên quan đến hoạt động CBTT.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và viết tắt.

1. Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "Điều lệ" là Điều lệ của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) "CBTT định kỳ" là việc Công ty CBTT vào những thời điểm xác định trong năm theo quy định pháp luật;

c) "CBTT bất thường" là việc Công ty CBTT trong một thời hạn được xác định sau khi xảy ra các sự kiện bất thường theo quy định pháp luật;

d) "CBTT theo yêu cầu" là việc Công ty CBTT khi có yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc theo yêu cầu của nơi cổ phiếu của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam được niêm yết giao dịch tập trung;

e) "Báo cáo thường niên" là báo cáo tổng thể về tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tổ chức và nhân sự, thông tin về cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty được lập hàng năm và công bố theo định kỳ;

f) "UBCKNN" là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

g) "SGDCKHN" là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, nơi cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tập trung;

h) “TCTLKBTCK” là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt nam trong thời gian chưa hoạt động theo quy định tại khoản 6 Điều 134 Luật Chứng khoán;

i) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

j) “Người điều hành”: là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

k) “Ban điều hành”: bao gồm tất cả Người điều hành.

l) Người nội bộ của Công ty bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị;

- Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc; hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;

- Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ;

- Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính kế toán, Người phụ trách kế toán;

- Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin.

m) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;

- Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

- Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

- Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

- Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;

- Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

- Cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:

(i) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;

(ii) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;

(iii) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, thâu tóm cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;

(iv) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;

(v) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của

người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

(vi) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm (i), (ii) và (iii) mục này;

(g) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm (i), (ii), (iii), (iv), (v) và (vi) mục này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.

n. Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

- Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCKHN;

- Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;

- Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

- Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

- Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua SGDCKHN.

o. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

- Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;

- Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;

- Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;

- Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

- Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

- Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

2. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin.

1. Việc CBTT của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc CBTT do người thực hiện CBTT thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 4 Quy chế này.
2. Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó theo mẫu hiện hành được Quy định về CBTT tại SGDCKHN và gửi kèm công văn thông tin đính chính.
3. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

Việc CBTT cá nhân bao gồm số thẻ căn cước công dân, số chứng minh nhân dân, số chứng minh quân nhân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ và chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

4. Khi Công ty CBTT phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCKHN nơi niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin quy định công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm khoản 3 Điều này và các đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCKHN 02 bản tài liệu, trong đó 01 báo cáo về việc CBTT bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCKHN nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin.

5. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Ngôn ngữ trong CBTT cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư. Công ty thực hiện công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Anh theo lộ trình quy định điểm a, khoản 2, Điều 4 - Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024. Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.

6. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức CBTT được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

7. Công ty CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định của pháp luật như sau:

a. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký của công ty phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của công ty tối thiểu là 05 năm;

b. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của công ty tối thiểu là 05 năm.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

Công ty thực hiện nghĩa vụ CBTT thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được Công ty ủy quyền CBTT của Công ty.

1. Người đại diện theo pháp luật là người có thẩm quyền, trách nhiệm cao nhất trong việc xét duyệt và công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin công bố, Người đại diện theo pháp luật có thể ủy quyền cho người khác để công bố thông tin.

Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà cả Người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin; Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.

2. Công ty phải thực hiện đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT cùng với Bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT cho UBCKNN và SGDCKHN tối thiểu trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực.

3. Nhà đầu tư (cổ đông) thuộc đối tượng CBTT là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ CBTT hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đại chúng, thành viên lưu ký, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc tổ chức khác) hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ CBTT như sau:

a. Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần CBTT đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định;

b. Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền CBTT để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, CBTT theo quy định pháp luật;

c. Cá nhân phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người được ủy quyền CBTT cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc ủy quyền CBTT có hiệu lực.

4. Nhà đầu tư (cổ đông) nước ngoài, nhóm nhà đầu tư (nhóm cổ đông) nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và CBTT theo quy định.

Điều 5. Phương tiện, tài liệu và hình thức công bố thông tin

1. **Việc CBTT được thực hiện đồng thời qua các phương tiện công bố sau:**

a. Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;

b. Hệ thống CBTT của UBCKNN (IDS Pro);

c. Trang thông tin điện tử của SGDCKHNHN (hệ thống CIMS) phương tiện CBTT khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;

d. Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

e. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử…).

Trường hợp không thể gửi thông tin công bố qua hệ thống CBTT điệu tử vì lý do bất khả kháng như hệ thống mạng, máy chủ gặp sự cố, không thể sử dụng chứng thư số, tạm ngưng hoạt động theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền,… Công ty có trách nhiệm gửi thông tin công bố bằng văn bản qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại UBCKNN, Sở GDCKHN đồng thời gửi bản dữ liệu điện tử qua thư điện tử đúng thời hạn quy định và thông báo ngay cho UBCKNN, Sở GDCKHN biết lý do không thể thực hiện gửi thông tin công bố qua hệ thống CBTT điện tử để UBCKNN, Sở GDCKHN hướng dẫn hoặc khắc phục sự cố.

2. **Tài liệu công bố thông tin**

2.1. Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản giấy:

a. Văn bản giấy phải đầy đủ nội dung và hợp lệ theo quy định của pháp luật. Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ.

b. Yêu cầu đối với văn bản hợp lệ:

- Đối với văn bản giấy của cá nhân: Văn bản có họ tên, chữ ký của cá nhân;

- Đối với văn bản giấy của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền, bao gồm: chức vụ, họ tên, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu.

2.2. Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản, dữ liệu điện tử:

Tài liệu CBTT phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử và các hướng dẫn sau:

a. Văn bản, dữ liệu điện tử có định dạng doc/docx/xls/xlsx/pdf (sử dụng bảng mã Unicode);

b. Trường hợp UBCKNN, SGDCKHN nơi tiếp nhận thông tin công bố có quy định khác về định dạng thông tin công bố thì thực hiện theo quy định của UBCKNN, SGDCKHN.

3. Công ty phải lập trang thông tin điện tử (Website) của mình. Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và mọi thay đổi về đăng ký các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác của UBCKNN, SGDCKHN; Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, SGDCKHN và công khai về địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

4. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

5. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, đối tượng nêu tại khoản 3, 4 Điều 7 Thông tư 96/2020/TT-BTC, Công ty thực hiện CBTT trên phương tiện quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 7 Thông tư 96/2020/TT-BTC và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau khi ngày nghỉ, ngày lễ.

6. Cách thức báo cáo, CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện công bố CBTT của SGDCKHN thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCKHN.

Điều 6. Quyền hạn và trách nhiệm của người công bố thông tin

1. Đại diện cho Công ty trong việc thực hiện CBTT của Công ty theo các quy định của pháp luật và quy chế này.

2. Yêu cầu các bộ phận, cá nhân có liên quan cung cấp các thông tin theo nội dung quy chế này, báo cáo số liệu đầy đủ, đúng thời hạn;

3. Đề xuất, kiến nghị với Ban lãnh đạo Công ty về những hoạt động liên quan đến công bố thông tin, việc sửa đổi, bổ sung quy chế này.

5. Theo dõi những công việc có liên quan, ảnh hưởng đến việc CBTT của Công ty.

6. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ. Ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, báo cáo Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị để trả lời hoặc giải đáp thắc mắc của cổ đông theo quy định.

7. Tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng ban chức năng cung cấp và thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công ty với UBCKNN, SGDCKHN, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và Quy chế này.

8. Điều chỉnh thông tin công bố:

Trường hợp sau khi thực hiện công bố thông tin, Công ty nhận được các ý kiến phản hồi về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin công bố, người thực hiện CBTT có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và bổ sung, sửa đổi (nếu có) các thông tin đó trong vòng 48 giờ hoặc thời hạn chỉnh sửa bổ sung theo yêu cầu của SGDCKHN/UBCKNN kể khi nhận được ý kiến phản hồi. Thực hiện công bố bổ sung/ đính chính các thông tin theo quy định.

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Đối tượng CBTT được tạm hoãn CBTT được phép trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạ, chiến tranh và các lí do bất khả kháng khác. Người được ủy quyền CBTT lập văn bản trình Tổng Giám đốc ký và gửi báo cáo UBCKNN, SGDCKHN về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mục 1. CBTT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Điều 8. Các trường hợp công bố thông tin

1. CBTT định kỳ.
2. CBTT bất thường.
3. CBTT theo yêu cầu.
4. CBTT về các hoạt động khác:

a. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn;

b. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài (nếu có);

c. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

d. Các CBTT khác theo quy định pháp luật (nếu có).

Điều 9. CBTT định kỳ:

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
1	**Báo cáo tài chính ("BCTC") bao gồm: BCTC Công ty mẹ và BCTC hợp nhất và phải đầy đủ báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán.** Đồng thời Công ty phải CBTT văn bản giải trình nếu thuộc các trường hợp phải giải trình theo quy định.		
1.1	BCTC năm đã được kiểm toán.	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
1.2	BCTC bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	
1.3	BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có).	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.	Trường hợp đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của Báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý.
2	**Báo cáo thường niên ("BCTN")**		
	BCTN theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Thời hạn CBTT thông tin cuối cùng được tính theo mốc thời gian tới trước.	Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.
3	**Báo cáo tình hình quản trị công ty**		
3.1	Báo cáo tình hình quản trị Công ty bán niên theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch.	Gửi 02 bản báo cáo và Bảng cung cấp thông tin về tình hình quản trị Công ty và file dữ liệu điện tử, cụ thể: a) 01 bản báo cáo đầy đủ các nội dung theo mẫu tại Phụ lục V ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC. b) 01 bản báo cáo theo mẫu tại Phụ lục V ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC nhưng không bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1, 3 Điều 3 Quy chế này để SGDCKHN thực hiện công bố thông tin. c) Bảng cung cấp thông tin về tình hình quản trị Công ty 06 tháng đầu năm và cả năm dương
3.2	Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm. Theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.	

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
			lịch (theo mẫu của SGDCKHNHN) bao gồm 01 mẫu báo cáo và 01 file dữ liệu điện tử được gửi tới Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
4	**Họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)**		
4.1	Lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	Trong thời hạn 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	Gửi Thông báo chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội tới Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán trước 21 ngày so với ngày chốt danh sách cổ đông.
4.2	Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường.	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.	Nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).
4.3	Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết phải được công bố.	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.	Công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông.
4.4	Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành.	Lưu ý: Đính kèm trọn bộ tài liệu được thông qua tại Đại hội
5	Báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm dương lịch	Báo cáo 6 tháng đầu năm căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/6, gửi tới SGDCKHN và UBCKNN chậm nhất là ngày 30/7	Mẫu 01_CBTT /SGDHN kèm QĐ số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/9/2016 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội).

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
		Báo cáo 6 tháng cuối năm căn cứ trên danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12, gửi tới SGDCKHN và UBCKNN chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo	

Điều 10. Công bố thông tin bất thường

Công ty phải CBTT trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện dưới đây và phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

STT	Nội dung công bố	Ghi chú
1	Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp nêu trên.	
2	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi.	Khi CBTT về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động, Công ty thực hiện CBTT theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy chế CBTT của Sở GDCK và gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi.
3	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ	

STT	Nội dung công bố	Ghi chú
	đông không phải là cổ đông lớn.	
4	Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.	
5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	
6	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.	
7	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.	

STT	Nội dung công bố	Ghi chú
8	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.	
9	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty đại chúng.	
10	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết.	- Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ; - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ, công ty CBTT trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;
11	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty).	Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, Sở GDCK bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC. - Công ty liệt kê đầy đủ thông tin về họ tên, mối quan hệ của tất cả người có liên quan của người nội bộ theo quy định pháp luật hiện hành (bao gồm cả trường hợp người có liên quan có sở hữu và không sở hữu cổ phiếu) tại

STT	Nội dung công bố	Ghi chú
		Mục 16 mẫu Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC. - Trường hợp người liên quan không thực hiện cung cấp thông tin theo Mục 16, Công ty ghi chú tại trường số 17 Mục 16 Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ghi rõ "người liên quan không cung cấp thông tin". - Trường hợp phát sinh thay đổi thông tin của người nội bộ và người có liên quan đã cung cấp theo Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Công ty báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ CBTT theo mẫu quy định tại Phụ lục II – Thông báo thay đổi người có liên quan của Người nội bộ ban hành kèm theo Quy chế CBTT của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam
12	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét.	Trường hợp Công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất.
13	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty.	
14	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	
15	Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	
16	Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin có ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.	
17	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty.	
18	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết	

STT	Nội dung công bố	Ghi chú
	tại Sở GDCK nước ngoài.	
19	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.	
20	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp Công ty đại chúng là Công ty mẹ).	
21	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	
22	Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến để tham dự họp ĐHĐCĐ. Trường hợp thực hiện quyền khác của cổ đông hiện hữu, thông tin công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
23	Thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính.	Áp dụng trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn bộ
24	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 11. Công bố thông tin theo yêu cầu

Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, Sở GDCK nơi Công ty, đăng ký giao dịch khi xảy ra sự kiện, Công ty phải thực hiện công bố thông tin.

STT	Nội dung công bố thông tin	Ghi chú
1	Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.	Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, Sở GDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu
2	Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	

		có).

Điều 12. Công bố thông tin về các hoạt động khác

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
1	Hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	Thực hiện theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.	
2	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này.
3	Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	Thực hiện theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Điều 13. Công bố thông tin của các đối tượng khác

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
1	**Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.** Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BCT được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán.		
1.1	Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.	Công ty cần CBTT trên website chính thức của Công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
1.2	Cổ đông lớn khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi.	khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại điều này.
2	**Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**		
2.1	Người nội bộ và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, Sở GDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết), công ty đại chúng khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở GDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác).	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc.	Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCKHN đã CBTT và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCKHN; Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu, trong cùng một đợt đăng ký giao dịch. Chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó
2.2	Người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.	Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
			dịch vẫn phải thực hiện báo cáo và CBTT theo quy định tại Khoản 1 Điều này.
2.3	Công ty phải thực hiện CBTT trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều 33 Thông tư 96/2020/TT-BCT, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.		

Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
1	Thông tin về việc nhận được tài liệu đăng ký chào mua công khai.	Công ty thực hiện CBTT trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua công khai.	Công bố trên website của Công ty.
2	Ý kiến của Công ty đối với đề nghị chào mua công khai đối với đề nghị chào mua công khai của Hội đồng quản trị. Ý kiến của HĐQT phải được thể hiện bằng văn bản, có chữ ký của ít nhất 2/3 số thành viên và phải nêu rõ đánh giá của HĐQT đối với việc chào mua cổ phiếu. Trường hợp một hoặc một số thành viên Hội đồng quản trị có ý kiến khác, Hội đồng quản trị phải công bố kèm theo các ý kiến này.	Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai. HĐQT Công ty phải gửi UBCKNN, SGDCKHN và thông tin cho cổ đông biết ý kiến của Công ty đối với đề nghị chào mua công khai. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày hết hạn trước mà HĐQT chưa có ý kiến thì phải gửi đơn xin gia hạn lên UBCKNN,	Công bố trên website của Công ty. Gửi ý kiến bằng văn bản hoặc đơn gia hạn về UBCKNN (hình thức văn bản và dữ liệu điện tử) theo quy định của UBCKNN

Điều 15. Công bố thông tin theo nhu cầu của Công ty

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
1	Chiến lược/định hướng/kế hoạch kinh doanh và các chương trình/chính sách có ảnh hưởng đến lợi ích của các bên liên quan.	Định kỳ hoặc bất thường tùy thuộc vào nhu cầu cung cấp thông tin của Công ty và các bên liên quan.	Công bố trên website/các kênh truyền thông nội bộ của Công ty hoặc trên các phương tiện truyền thông.
2	Thông tin về các dự án/hợp đồng/khách hàng, đối tác/quan điểm về vấn đề liên quan đến thị trường, ngành, cổ phiếu, cổ đông, nhà đầu tư.	Định kỳ hoặc bất thường tùy thuộc vào nhu cầu cung cấp thông tin của Công ty và các bên liên quan.	Công bố trên website/các kênh truyền thông nội bộ của Công ty hoặc trên các phương tiện truyền thông.

Chương III: QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 16. Quy trình công bố thông tin

1. **Bước 1:** Chuẩn bị, thông báo thông tin công bố.

- Vào thời điểm kết thúc quý hay kết thúc năm tài chính hoặc khi phát sinh các sự kiện phải công bố theo quy định, Người thực hiện CBTT thông báo tới các bộ phận có liên quan về nội dung thông tin sẽ công bố và thời hạn công bố của Công ty.
- Các cá nhân, bộ phận có liên quan phải lập báo cáo theo đúng quy định, trình cấp có thẩm quyền ký duyệt và gửi đến Người được ủy quyền CBTT và phải đảm bảo còn đủ thời gian hợp lý (nhưng không ít hơn 08 giờ) để Người được ủy quyền CBTT thực hiện thủ tục CBTT theo quy định.

2. **Bước 2:** Xử lý thông tin

Khi nhận được thông tin do các cá nhân, bộ phận liên quan cung cấp, Người được ủy quyền CBTT cần:

- Kiểm tra lại nội dung thông tin và đối chiếu với các quy định về công bố thông tin;
- Soạn thảo văn bản CBTT theo mẫu quy định;

3. **Bước 3:** Phê duyệt

Sau khi kiểm tra lại các văn bản công bố thông tin, Người được ủy quyềnCBTT trình Tổng giám đốc phê duyệt: nội dung thông tin công bố, thời gian, phương tiện; ký tên và đóng dấu văn bản công bố trước khi thực hiện công bố.

4. **Bước 4:** Công bố thông tin

Người được ủy quyền CBTT thực hiện CBTT theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành về CBTT và Quy chế này.

5. **Bước 5:** Tiếp nhận các thông tin phản hồi:

Người được ủy quyền CBTT có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và sửa đổi, bổ sung (nếu có) các thông tin liên quan và đề xuất cho Tổng giám đốc về việc phản hồi, phúc đáp lại các nội dung cần thiết.

6. **Bước 6:** Bảo quản và lưu trữ thông tin

- Các đối tượng CBTT thực hiện bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật.

- Các bộ phận có liên quan khi cung cấp thông tin cho Người được ủy quyền CBTT phải lập hồ sơ lưu tại bộ phận mình.
- Người được ủy quyền CBTT sau khi tiếp nhận các báo cáo từ các bộ phận liên quan phải lập hồ sơ cho từng sự kiện kèm theo bản sao văn bản CBTT đã công bố để lưu giữ tại Công ty để kiểm tra, đối chiếu trong trường hợp cần thiết.

Điều 17. Bảo quản và lưu giữ thông tin

1. Các thư điện tử dùng để gửi thông tin chỉ được xóa khi chắc chắn không còn giá trị tham chiếu về việc gửi thông tin và đảm bảo thời gian lưu trữ thông tin công bố theo quy định.
2. Thông tin công bố phải được lập hồ sơ lưu trữ tại Văn phòng, bộ phận lập báo cáo và bộ phận CBTT.

Chương IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Đầu mối chuẩn bị nội dung công bố thông tin

Đầu mối chuẩn bị nội dung CBTT của Công ty bao gồm:

1. Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty: Chịu trách nhiệm chuẩn bị các thông tin liên quan đến quản trị Công ty, báo cáo thường niên, cổ đông, cổ phiếu (cổ đông lớn, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ…), thông tin liên quan đến Hội đồng quản trị Công ty, các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ của mình và là đầu mối tiếp nhận thông tin, thắc mắc và giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư và cơ quan chức năng khác liên quan đến các thông tin do Công ty công bố.
2. Kế toán trưởng, Trưởng phòng kế toán: Chịu trách nhiệm chuẩn bị các thông tin liên quan đến báo cáo tài chính và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng Tài chính – Kế toán.
3. Trưởng các phòng, ban, đơn vị: Chịu trách nhiệm chuẩn bị các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ của phòng, ban, đơn vị mình quản lý.

Điều 19. Trách nhiệm, quan hệ giữa các phòng, ban, đơn vị trong việc cung cấp thông tin

1. Người được ủy quyền CBTT trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đôn đốc các phòng, ban, đơn vị cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này.

   Trưởng các phòng, ban, đơn vị lập báo cáo/cung cấp thông tin chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho Người được ủy quyền CBTT.

   Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Quy chế này. Trường hợp này trưởng các phòng, ban, đơn vị (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người ủy quyền CBTT trong vòng **08 giờ** kể từ khi xảy ra sự kiện.
2. Người thực hiện CBTT tổng hợp các thông tin, trình Người đại diện theo pháp luật phê duyệt nội dung thông tin công bố, thời gian, phương tiện, phân công nhiệm vụ trước khi thực hiện công bố các thông tin theo quy định.
3. Người thực hiện CBTT phải giám sát việc CBTT và báo cáo Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc kết quả thực hiện.

Điều 20. Xử lý vi phạm và Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. **Xử lý vi phạm:**

Người lao động của Công ty có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà có thể bị xử lý kỷ luật lao động, bồi thường trách nhiệm vật chất theo quy định của Nội quy lao động.

2. **Thẩm quyền xử lý vi phạm:**

- Hội đồng quản trị có thẩm quyền xử lý vi phạm đối với người lao động thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị bổ nhiệm, cử, ký hợp đồng lao động.
- Tổng giám đốc có thẩm quyền xử lý vi phạm đối với người lao động thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động.

Điều 21. Điều khoản thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành;

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các đơn vị trực thuộc, các phòng ban và cá nhân có liên quan đến việc CBTT thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của mình.

Trưởng các phòng, ban, bộ phận chức năng có liên quan phổ biến quy chế này đến các cá nhân có liên quan để biết và phối hợp thực hiện.

Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến nghĩa vụ CBTT của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế hoặc trong trường hợp có những quy định của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ CBTT của Công ty.

Mọi sửa đổi, bổ sung quy chế này do Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có những điều khoản chưa được quy định hoặc không còn hiệu lực thì Công ty sẽ thực hiện CBTT trên cơ sở quy định của Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Diệp